

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 30/TTr- STC ngày 25/01/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) do ngân sách nhà nước bảo đảm.

b) Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách Nhà nước bảo đảm để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Mức chi

Đối với các mức chi đã có các quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền thì thực hiện theo chế độ hiện hành. Quy định này quy định một số mức chi cụ thể như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án			
1.1	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.000	
1.2	Lập dự án	Dự án		
a)	Dự án có quy mô đến 500 triệu đồng		2.000	
b)	Dự án có quy mô trên 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		3.000	
c)	Dự án có quy mô trên 2.000 triệu đồng		4.000	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	
b)	Thành viên, thư ký	Người/buổi	250	
c)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
d)	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
đ)	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	250	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	400	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
a)	- Cá nhân	Phiếu	50	
b)	- Tổ chức	Phiếu	100	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
4.3	Chi cho điều tra viên; công tác quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày bằng 150 % mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày/tháng)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên.
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	150	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ			
5.1	Nhiệm vụ	Báo cáo	4.000	
5.2	Dự án	Báo cáo		
a)	Dự án có quy mô đến 500 triệu đồng		8.000	
b)	Dự án có quy mô trên 500 triệu đồng đến 2.000 triệu đồng		9.000	
c)	Dự án có quy mô trên 2.000 triệu đồng		10.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	550	
b)	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	500	
c)	Ủy viên, Thư ký Hội đồng	Người/buổi	250	
d)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
đ)	Bài nhận xét của Ủy viên phản biện	Bài viết	400	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
e)	Bài nhận xét của Ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	250	
g)	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	350	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
a)	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	400	
b)	Thư ký hội thảo		250	
c)	Đại biểu được mời tham dự		150	
d)	Báo cáo tham luận	Bài viết	300	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	350	
b)	Thành viên, Thư ký		150	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
a)	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	550	
b)	Thành viên, Thư ký Hội đồng		300	
c)	Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện	Bài viết	400	
d)	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
đ)	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
a)	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,2 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ <i>nhân</i> với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
b)	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,2 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
10	Chi giải thưởng môi trường			Tùy thuộc vào quy mô giải thưởng và loại giải thưởng
a)	Tổ chức		2.000 -15.000	
b)	Cá nhân		1.000-10.000	

Điều 2. Điều khoản thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/3/2019.
- Các nội dung khác không quy định cụ thể tại Quyết định này thì thực hiện theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.
- Khi các văn bản quy định chế độ, định mức hiện hành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
- Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, hướng dẫn, giám sát thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Thu